

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH**

Bản án số: 59/2022/HS -ST
Ngày: 22-12-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Dần

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Ơn

2. Ông Bùi Văn Tấn

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Minh Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn tham gia phiên tòa:* Ông Trần Tú Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2022 đối với:

- *Bị cáo:* Bùi Thị Bích H, sinh ngày 23/03/1989 tại xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Nơi đăng ký HKTT: Phố R, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm H, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Minh K, sinh năm 1955 và bà Bùi Thị S, sinh năm 1959; Bị cáo có chồng là Bùi Văn T, sinh năm 1988 và có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/08/2022 đến ngày 14/08/2022; hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Trịnh Thị Phương T, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Xóm H, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình (*vắng mặt*).

+ Bùi Văn T, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Xóm H, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 3 năm 2022, Bùi Thị Bích H sử dụng điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE, loại 12 PRO MAX, đăng nhập vào mục Messenger trong ứng dụng Facebook để nhắn tin gọi điện cùng Trịnh Thị Phương T để thỏa thuận cho chị Trịnh Thị Phương T vay với tổng số tiền 1.405.000.000đ (một tỉ bốn trăm linh năm triệu đồng) với mục đích tiêu dùng

cá nhân; mức lãi suất H cho T vay dao động từ 191,625%/năm đến 657%/năm tùy từng lần vay cụ thể. Phương thức cho vay tiền và thu tiền lãi của Bùi Thị Bích H là gặp chị T để đưa tiền vay hoặc nhận tiền lãi trực tiếp, đồng thời H còn dùng 02 (hai) cuốn lịch để ghi chú các khoản vay và tiền lãi của chị Trịnh Thị Phương T, cụ thể từng lần vay như sau:

1. Vào khoảng tháng 12/2021, H cho T vay số tiền 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) và phải trả lãi mỗi tháng là 35.700.000đ (ba mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng), tương ứng mức lãi suất 255,5%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 12,775 lần). Trịnh Thị Phương T đã trả cho H số tiền lãi của tháng 01/2022, tháng 02/2022, tháng 3/2022 tổng cộng là 107.100.000đ (một trăm linh bảy triệu một trăm nghìn đồng).

2. Ngày 08/12/2021, H cho T vay 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng) trong 20 ngày, sau 20 ngày T đã trả cho H số tiền gốc 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng) và lãi là 36.400.000đ (ba mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng), tương ứng mức lãi suất 255,5%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 12,775 lần).

3. Ngày 12/12/2021, H cho T vay 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) trong 15 ngày, sau 15 ngày T đã trả cho H số tiền gốc 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) và lãi là 17.800.000đ (mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng), tương ứng mức lãi suất 255,5%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 12,775 lần).

4. Ngày 21/12/2021, H cho T vay 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) trong vòng 10 ngày, sau 10 ngày T đã trả cho H số tiền gốc 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) và lãi là 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng), tương ứng mức lãi suất 255,5%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 12,775 lần).

5. Ngày 01/01/2022, H cho T vay 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng) trong 25 ngày, sau 25 ngày T đã trả cho H số tiền gốc 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng) và lãi là 53.200.000đ (năm mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng), trong số tiền lãi đã trả bao gồm: 10 ngày đầu tiên H lấy tiền lãi của T là 13.300.000đ (mười ba triệu ba trăm nghìn đồng), tương ứng mức lãi suất 255,5%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 12,775 lần); 15 ngày tiếp theo H lấy của T tiền lãi là 39.900.000đ (ba mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng) tương ứng mức lãi suất 511%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 25,55 lần).

6. Ngày 02/01/2022, H cho T vay 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng) trong 06 ngày, sau 06 ngày T đã trả cho H số tiền gốc là 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi là 10.920.000đ (mười triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng), tương ứng mức lãi suất 255,5%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 12,775 lần).

7. Ngày 02/01/2022, H tiếp tục cho T 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) trong 10 ngày, sau 10 ngày T đã trả cho H số tiền gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng), tương ứng mức lãi suất 255,5%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật

dân sự 12,775 lần).

8. Ngày 04/01/2022, H cho T vay 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) trong 17 ngày, sau 17 ngày T đã trả cho H số tiền gốc 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 33.250.000đ. Trong số tiền lãi T đã trả bao gồm: 15 ngày đầu tiên H lấy của T số tiền lãi là 26.250.000đ tương ứng mức lãi suất 255,5%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 12,775 lần); 02 ngày tiếp theo H lấy của T số tiền lãi là 7.000.000đ tương ứng mức lãi suất 511%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 25,55 lần)

9. Ngày 13/01/2022, H cho T vay 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) trong 10 ngày, sau 10 ngày T đã trả cho H số gốc 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) và lãi là 5.600.000đ (năm triệu sáu trăm nghìn đồng), tương ứng mức lãi suất 255,5%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 12,775 lần).

10. Ngày 20/01/2022, H cho T vay 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) trong 15 ngày, sau 15 ngày T đã trả cho H số gốc 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và lãi là 21.000.000đ (hai mươi một triệu đồng), tương ứng mức lãi suất 255,5%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 12,775 lần)

11. Ngày 21/01/2022, H cho T vay 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng) trong 10 ngày, sau 10 ngày T đã trả cho H số gốc 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng) và lãi là 19.600.000đ (mười chín triệu sáu trăm nghìn đồng), tương ứng mức lãi suất 255,5%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 12,775 lần).

12. Ngày 23/01/2022, H cho T vay 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) trong 10 ngày, sau 10 ngày T đã trả cho H số gốc 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và lãi là 16.500.000đ (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng) tương ứng mức lãi suất 401,5%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 20,075 lần).

13. Ngày 10/02/2022, H cho T vay 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) trong 15 ngày, sau 15 ngày T đã trả cho H số gốc 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) và lãi là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), tương ứng mức lãi suất 292%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 14,6 lần)

14. Ngày 09/02/2022, H cho T vay 470.000.000đ (bốn trăm bảy mươi triệu đồng) trong 20 ngày, sau 20 ngày T đã trả cho H số gốc 470.000.000đ (bốn trăm bảy mươi triệu đồng) và lãi là 84.600.000đ (tám mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng), tương ứng mức lãi suất 328,5%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 16,425 lần).

15. Ngày 15/02/2022, H cho T vay 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) trong 10 ngày, sau 10 ngày T đã trả cho H số gốc 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) và lãi là 12.480.000đ (mười hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Trong số tiền lãi T đã trả bao gồm 07 ngày đầu tiên H lấy số tiền lãi là 6.720.000đ (sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng), tương ứng mức lãi suất 292%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 14,6

lần); 03 ngày tiếp theo H lấy số tiền lãi là 5.760.000đ (năm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) tương ứng mức lãi suất 584%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 29,2 lần).

16. Ngày 18/02/2022, H cho T vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) trong 10 ngày, sau 10 ngày T đã trả cho H số gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và lãi là 4.000.000đ (bốn triệu đồng), tương ứng mức lãi suất 292%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 14,6 lần).

17. Ngày 25/02/2022, H cho T vay 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng) trong 29 ngày, sau 29 ngày T đã trả cho H số tiền gốc 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng) và lãi là 92.880.000đ (chín mươi hai triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng). Trong số tiền lãi T đã trả bao gồm: 15 ngày đầu tiên H lấy số tiền lãi là 32.400.000đ, tương ứng mức lãi suất 292%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 14,6 lần); trong 14 ngày tiếp theo, H lấy số tiền lãi là 60.480.000đ, tương ứng mức lãi suất 584%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 29,2 lần).

18. Ngày 25/02/2022, H cho T vay 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) trong 36 ngày, sau 36 ngày T đã trả cho H số tiền gốc 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) và lãi là 28.080.000đ (hai mươi tám triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Trong số tiền lãi T đã trả bao gồm: 20 ngày đầu tiên H lấy tiền lãi là 10.800.000đ, tương ứng mức lãi suất 328,5%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 16,425 lần); 16 ngày tiếp theo H lấy tiền lãi là 17.280.000đ, tương ứng mức lãi suất 657%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 32,850 lần).

19. Ngày 27/02/2022, H cho T vay 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) trong 07 ngày, sau 07 ngày T đã trả cho H số tiền gốc 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và lãi là 11.200.000đ (mười một triệu hai trăm nghìn đồng), tương ứng mức lãi suất 292%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 14,6 lần).

20. Ngày 28/02/2022, H cho T vay 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) trong 20 ngày, sau 20 ngày T đã trả cho H số tiền gốc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và lãi là 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng), tương ứng mức lãi suất 292%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 14,6 lần).

21. Ngày 07/3/2022, H cho T vay 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng) trong 10 ngày, sau 10 ngày T đã trả cho H số tiền gốc 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng) và lãi là 20.800.000đ (hai mươi triệu tám trăm nghìn đồng), tương ứng mức lãi suất 292%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 14,6 lần).

22. Ngày 03/3/2022, H cho T vay 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) trong 10 ngày, sau 10 ngày T đã trả cho H số tiền gốc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và lãi là 7.000.000đ (bảy triệu đồng), tương ứng mức lãi suất 255,5%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 12,775 lần).

23. Ngày 16/3/2022, H cho T vay 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) trong 10 ngày, sau 10 ngày T đã trả cho H số tiền gốc 80.000.000đ (tám mươi triệu

đồng) và lãi là 5.600.000đ (năm triệu sáu trăm nghìn đồng), tương ứng mức lãi suất 255,5%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 12,775 lần).

24. Ngày 19/3/2022, H cho T vay 255.000.000đ (hai trăm năm mươi lăm triệu đồng) trong 15 ngày, sau 15 ngày T đã trả cho H số tiền lãi là 26.775.000đ (hai mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), tương ứng mức lãi suất 255,5%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 12,775 lần), chưa trả số tiền gốc 255.000.000đ (hai trăm năm mươi lăm triệu đồng).

25. Ngày 20/3/2022, H cho T vay 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) trong 10 ngày, sau 10 ngày T đã trả cho H số tiền gốc 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) và lãi là 17.500.000đ (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng), tương ứng mức lãi suất 255,5%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 12,775 lần).

26. Ngày 23/3/2022, H cho T vay 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) trong 10 ngày, sau 10 ngày T đã trả cho H số tiền lãi là 8.400.000đ (tám triệu bốn trăm nghìn đồng), tương ứng mức lãi suất 255,5%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 12,775 lần). T chưa trả số tiền gốc 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng).

27. Ngày 25/3/2022, H cho T vay 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) trong 10 ngày, sau 10 ngày T đã trả cho H số tiền lãi là 17.500.000đ (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng), tương ứng mức lãi suất 255,5%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong bộ luật dân sự 12,775 lần). T đã trả cho H số tiền gốc 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), còn nợ lại tiền gốc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

28. Ngày 26/3/2022, H cho T vay 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) trong 10 ngày, sau 10 ngày T đã trả cho H số tiền lãi là 17.500.000đ (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng), tương ứng mức lãi suất 255,5%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 12,775 lần). T chưa trả cho H số tiền gốc 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng).

29. Ngày 28/3/2022, H cho T vay 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) trong 10 ngày, sau 10 ngày T đã trả gốc 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và lãi là 2.100.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng) tương ứng mức lãi suất 191,625%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 9,581 lần).

Ngày 07/4/2022, T có đến nhà H trả số tiền lãi của các khoản gốc còn thiếu (bao gồm: 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) + 255.000.000đ (hai trăm năm mươi lăm triệu đồng) + 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) + 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng)) số tiền lãi 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) tính từ ngày 01/4/2022 đến ngày 07/4/2022, tương ứng mức lãi suất 335,632%/năm (vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong bộ luật Dân sự 16,782 lần).

Tổng số tiền lãi mà H đã nhận của chị T là 770.085.000đ (bảy trăm bảy mươi triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng), từ sau ngày 07/4/2022 H không tính lãi với các khoản vay chưa trả của chị T, nhưng yêu cầu T trả số tiền gốc đã vay

còn nợ 895.000.000đ (tám trăm chín mươi lăm triệu đồng) và lãi các khoản vay tính đến ngày 07/4/2022. Do không có khả năng trả lãi nên chị T đã xin H không tính lãi với các khoản vay, nhưng H không đồng ý nên chị T đã trình báo với Cơ quan Công an. Đến ngày 05/8/2022 Bùi Thị Bích H đầu thú với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự xảy ra năm 2021 và năm 2022 tại xóm Hồ 1, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Trong quá trình điều tra, Trịnh Thị Phương T đã trả lại cho H số tiền đã vay còn nợ là 895.000.000đ (tám trăm chín mươi lăm triệu đồng). Bùi Thị Bích H đã tự nguyện trả lại số tiền lãi 719.386.370đ (bảy trăm mười chín triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm bảy mươi đồng) cho T. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Bùi Thị Bích H. Cơ quan điều tra không phát hiện thu giữ đồ vật, tài liệu gì thêm

Ngày 11/8/2022, Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Hòa Bình có công văn số 564/HBI-TTGSNH về việc phối hợp xác định lãi suất và số tiền thu lời bất chính trong vụ án xác định: Tổng số tiền lãi Bùi Thị Bích H đã thu của chị T số tiền lãi là 770.085.000đ (bảy trăm bảy mươi triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng), trong đó: Số tiền lãi mà H được hưởng theo quy định (lãi suất trong 20%) là 50.698.630 (năm mươi triệu sáu trăm chín tám nghìn ba trăm bảy mươi đồng), thu lời bất chính số tiền là 719.386.370đ (bảy trăm mười chín triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm bảy mươi đồng).

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu: IPHONE, loại: 12 PRO MAX, màu xanh có số IMEI: 355565704740896, bên trong có lắp sim của nhà mạng VIETTEL, sim có số seri là: 89840480003188518. Điện thoại cũ đã qua sử dụng.

- 02 (hai) quyển lịch có nội dung và chữ số có liên quan đến việc cho vay lãi nặng, trên những tờ của quyển lịch có chữ ký xác nhận của Bùi Thị Bích H.

Hiện vật chứng trên được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn bảo quản theo quy định.

Ngày 04/11/2022, Bùi Thị Bích H đã tự nguyện đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn nộp số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) khắc phục hậu quả.

Quá trình điều tra, Bùi Thị Bích H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi của mình, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 53/CT-VKS ngày 08 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn đã truy tố Bùi Thị Bích H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Thực hành quyền công tố tại phiên toà, đại diện VKSND huyện Lạc Sơn, sau khi xem xét, đánh giá toàn bộ nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; trình bày quan điểm và luận tội:

+ Giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Thị Bích H phạm tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự xử phạt tiền đối với bị cáo Bùi Thị Bích H từ 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) đến 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu

đồng). Đề nghị không xử phạt bổ sung đối với bị cáo

+ Về xử lý vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu thu phát mại sung vào ngân sách Nhà nước đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, loại: 12 PRO MAX, màu xanh là phương tiện phạm tội của bị cáo; tịch thu lưu hồ sơ đối với 02 (hai) quyển lịch có nội dung và chữ số có liên quan đến việc cho vay lãi nặng, trên những tờ của quyển lịch có chữ ký xác nhận của Bùi Thị Bích H.

+ Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Truy thu thu sung nộp ngân sách Nhà nước số tiền 1.405.000.000^d (*một tỷ bốn trăm linh năm triệu đồng*) là tiền mà bị cáo Bùi Thị Bích H dùng để cho vay và 50.698.630^d (*năm mươi triệu sáu trăm chín tám nghìn ba trăm bảy mươi đồng*) là tiền lãi mà bị cáo H do phạm tội mà có; tạm giữ số tiền 50.000.000^d (*năm mươi triệu đồng*) mà bị cáo tự nguyện nộp vào Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn để đảm bảo thi hành án.

+ Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Bùi Thị Bích H đồng ý với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn truy tố, không có ý kiến bổ sung và xin giảm nhẹ hình phạt. Chị Trịnh Thị Phương T vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn không có yêu cầu về mặt trách nhiệm dân sự, đồng thời đề nghị HĐXX miễn giảm hình phạt cho bị cáo. Những người tham gia tố tụng khác, không ai có ý kiến hay yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an huyện Lạc Sơn, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận nhận thấy lời khai nhận của bị cáo có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ khác như lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 3 năm 2022 tại xóm Hồ 1, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình, Bùi Thị Bích H đã thực hiện 29 giao dịch dân sự với chị Trịnh Thị Phương T vay tổng số tiền 1.405.000.000^d (*một tỷ bốn trăm linh năm triệu đồng*) với mức lãi suất thấp nhất là 191,625%/năm, lãi suất cao nhất 657%/năm (vượt gấp 9,581 lần đến 32,850 lần mức lãi suất cao nhất cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015), thu lợi bất chính số tiền 719.386.370^d (*bảy trăm mười chín triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm bảy mươi đồng*).

Vì vậy, việc bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đồng thời có đủ cơ sở kết luận bị cáo Bùi Thị Bích H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 điều 201 của Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi phạm tội của bị cáo còn mang tích chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đúng. Gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống các tệ nạn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích háms lợi và thái độ xem thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần có đường lối xử phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Trước khi phạm tội bị cáo Bùi Thị Bích H có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Khi hành vi phạm tội bị tố giác bị cáo đã đầu thú và tự nguyện trả lại số tiền thu lời bất chính cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đồng thời đã nộp lại số tiền 50.000.000^d (*năm mươi triệu đồng*) khắc phục hậu quả. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Cân nhắc tính chất lỗi, nguyên nhân, điều kiện và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo. Xét thấy, chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà nên áp dụng đối với bị cáo hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ giáo dục cải tạo bị cáo, đồng thời thể hiện chính sách pháp luật hình sự khoan hồng, nhân đạo của Nhà nước. Căn cứ Điều 35 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

5] Về xử lý vật chứng vụ án: Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, loại: 12 PRO MAX, màu xanh là phương tiện phạm tội của bị cáo cần tịch thu phát mại sung vào ngân sách Nhà nước; đối với 02 (hai) quyển lịch có nội dung và chữ số có liên quan đến việc cho vay lãi nặng, trên những tờ của quyển lịch có chữ ký xác nhận của Bùi Thị Bích H là vật chứng có giá trị chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên cần lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[6] Biện pháp tư pháp: Cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 1.405.000.000^d (*một tỷ bốn trăm linh năm triệu đồng*) là tiền mà bị cáo Bùi Thị Bích H dùng để cho vay và 50.698.630^d (*năm mươi triệu sáu trăm chín tám nghìn ba trăm bảy mươi đồng*) là tiền lãi mà bị cáo H do phạm tội mà có; Bảo lưu số tiền

50.000.000^d (năm mươi triệu đồng) mà bị cáo tự nguyện nộp vào Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn để đảm bảo thi hành án.

[7] Đối với Bùi Văn T (sinh năm 1988, trú tại xóm Hồ 1, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình, là chồng của Bùi Thị Bích H), quá trình điều tra xác định Tuấn không biết và không liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo, do đó không có căn cứ để xử lý nên HĐXX không đề cập.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Không ai có yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không đề cập trách nhiệm dân sự của vụ án.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, hình phạt:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 35 của Bộ luật hình sự:

+ Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Bích H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

+ Xử phạt tiền 350.000.000^d (Ba trăm năm mươi triệu đồng) đối với bị cáo Bùi Thị Bích H.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tuyên tịch thu phát mai sung vào ngân sách Nhà nước đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, loại: 12 PRO MAX, màu xanh có số IMEI: 355565704740896, bên trong có lắp sim của nhà mạng VIETTEL, sim có số seri là: 89840480003188518; điện thoại cũ đã qua sử dụng.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa công an huyện Lạc Sơn và Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn ngày 11/11/2022).

- Tuyên tịch thu và Lưu giữ theo hồ sơ vụ án đối với 02 (hai) quyển lịch có nội dung và chữ số có liên quan đến việc cho vay lãi nặng, trên những tờ của quyển lịch có chữ ký xác nhận của Bùi Thị Bích H.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

+ Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 1.405.000.000đ (một tỷ bốn trăm linh năm triệu đồng) là tiền mà bị cáo Bùi Thị Bích H dùng để cho vay và 50.698.630^d (năm mươi triệu sáu trăm chín tám nghìn ba trăm bảy mươi đồng) là tiền lãi mà bị cáo H do phạm tội mà có.

+ Tạm giữ số tiền 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng) mà bị cáo tự nguyện nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn theo biên lai thu tiền số 0002777 ngày 04/11/2022 để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Bùi Thị Bích H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Hòa Bình (b/c)
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Công an huyện Lạc Sơn;
- Chi cục THADS Lạc Sơn ;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- Bị cáo+ Người tham gia tố tụng;
- UBND xã Yên Nghiệp;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Lò Văn Dần

